SỞ Y TẾ TỈNH HƯNG YÊN **BỆNH VIỆN NHI THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1194 /QĐ-BVNTB	*Hưng Yên, ngày 25 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN NHI THÁI BÌNH

Căn cứ Quyết định số Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 31/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc thành lập Bệnh viện Nhi Thái Bình thuộc Sở Y tế tỉnh Hưng Yên; Căn cứ Quyết định số 81/2025/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Nhi Thái Bình thuộc Sở Y tế tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 19/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ Y tế hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 508/QĐ-BYT ngày 20/02/2012 của Bộ Y tế ban hành tạm thời định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sơ xây dựng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BYT ngày 05/5/2021 của Bộ Y tế quy định về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-SYT ngày 26/01/2026 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị định 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Scanned with CamScanner

Căn cứ Nghị định số 192/2026/NĐ-CP ngày 30/5/2026 của Chính phủ quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù trong lĩnh vực y tế; hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản;

Căn cứ Quyết định số 1119/QĐ-BVN ngày 16/9/2026 của Giám đốc Bệnh viện Nhi Thái Bình về việc phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại Bệnh viện Nhi Thái Bình;

Theo đề nghị của Tổ thẩm định và thông qua giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu, cụ thể như sau:

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Mức giá thu (đồng)	Ghi chú
1	Khám bệnh theo yêu cầu	220.000/ Lần	
2	Khám sàng lọc trước tiêm chủng theo yêu cầu	100.000/ Lần	
3	Khám bệnh mời chuyên gia theo yêu cầu	500.000/ Lần	
4	Khám, tư vấn dinh dưỡng theo yêu cầu	90.000/ Lần	
5	Giường điều trị theo yêu cầu (05 bệnh nhân/buồng)	250.000/ Ngày	Chưa bao gồm giá dịch vụ theo Nghị quyết số 64/NQ-HĐND và 748/NQ-HĐND
6	Giường điều trị theo yêu cầu (03 - 04 bệnh nhân/buồng)	350.000/ Ngày	
7	Giường điều trị theo yêu cầu (Phòng 02 bệnh nhân)	650.000/ Ngày	
8	Giường điều trị theo yêu cầu trong ngày (bệnh nhân điều trị từ 04 giờ trở lên)	425.000/ Ngày	
	Giường điều trị theo yêu cầu trong ngày (bệnh nhân điều trị từ 01 giờ đến dưới 04 giờ)	300.000/ Ngày	
	Giường điều trị theo yêu cầu trong ngày (bệnh nhân điều trị dưới 01 giờ)	100.000/ Ngày	
9	Phẫu thuật theo yêu cầu [các loại phẫu thuật loại đặc biệt khác]	9.500.000/ Ca	Chưa bao gồm giá dịch vụ theo Nghị quyết số 64/NQ-HĐND và 748/NQ-HĐND
10	Phẫu thuật theo yêu cầu [các loại phẫu thuật loại I khác]	6.500.000/ Ca	
11	Phẫu thuật theo yêu cầu [các loại phẫu thuật loại II khác]	5.000.000/ Ca	
12	Phẫu thuật theo yêu cầu [các loại phẫu thuật loại III khác]	3.500.000/ Ca	
13	Phẫu thuật theo yêu cầu [mời chuyên gia (1 ca/ngày)]	16.000.000/ Ca	
14	Phẫu thuật theo yêu cầu [mời chuyên gia (2 ca/ngày)]	12.000.000/ Ca	

Scanned with CamScanner

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Mức giá thu (đồng)	Ghi chú
15	Phẫu thuật theo yêu cầu [mời chuyên gia (3 ca/ngày)]	10.000.000/ Ca	
16	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ 2 bên một thì [theo yêu cầu]	6.800.000/ Ca	
17	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ 1 bên một thì [theo yêu cầu]	6.800.000/ Ca	
18	Phẫu thuật nội soi thoát vị bẹn [theo yêu cầu]	7.000.000/ Ca	
19	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa [Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa 1 Troca, theo yêu cầu]	4.000.000/ Ca	
20	Trích rạch áp xe nhỏ [theo yêu cầu]	400.000/ Ca	
21	Trích rạch áp xe lớn, dẫn lưu [theo yêu cầu]	600.000/ Ca	
22	Trích áp xe phần mềm lớn [theo yêu cầu]	550.000/ Ca	
23	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [theo yêu cầu]	600.000/ Ca	
24	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm [theo yêu cầu]	400.000/ Ca	
25	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [theo yêu cầu]	400.000/ Ca	
26	Cắt hẹp bao quy đầu (phimosis) [theo yêu cầu]	3.000.000/ Ca	
27	Nong hẹp bao quy đầu [theo yêu cầu]	300.000/ Ca	
28	Nong hậu môn [theo yêu cầu]	250.000/ Ca	
29	Khí dung thuốc giãn phế quản [ngoại trú, theo yêu cầu]	20.000/ Lần	Chưa bao gồm thuốc khí dung
30	Tách dính môi bé [theo yêu cầu]	250.000/ Ca	
31	Nắn, bó bột gãy xương các loại dưới C Arm [theo yêu cầu]	550.000/ Ca	
32	Nẹp bột các loại, không nắn [theo yêu cầu]	220.000/ Ca	
33	Thay băng điều trị bỏng nông, dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em [dưới 5%, theo yêu cầu]	130.600/ Ca	
34	Thay băng điều trị bỏng nông, dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em [từ 5% - dưới 10%, theo yêu cầu]	262.900/ Ca	
35	Thay băng điều trị bỏng nông, từ 10% đến 20% diện tích cơ thể ở trẻ em [theo yêu cầu]	458.200/ Ca	
36	Thay băng điều trị bỏng nông, trên 20% diện tích cơ thể ở trẻ em [từ trên 20% đến dưới 40%; theo yêu cầu]	618.300/ Ca	
37	Thay băng điều trị bỏng nông, trên 20% diện tích cơ thể ở trẻ em [từ 40% đến 60%; theo yêu cầu]	983.300/ Ca	
38	Thay băng, cắt chỉ [theo yêu cầu]	200.000/ Ca	

Scanned with CamScanner

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Mức giá thu (đồng)	Ghi chú
39	Cắt chỉ [theo yêu cầu]	150.000/ Ca	
40	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10 cm [theo yêu cầu]	5.200.000/ Ca	
41	Cắt u máu khu trú, đường kính dưới 5 cm [theo yêu cầu]	3.500.000/ Ca	
42	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10 cm [theo yêu cầu]	4.500.000/ Ca	
43	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính trên 10 cm [theo yêu cầu]	6.800.000/ Ca	
44	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi [theo yêu cầu, bằng dao laser]	3.000.000/ Ca	
45	Phẫu thuật cắt phanh môi [theo yêu cầu, bằng dao laser]	3.000.000/ Ca	
46	Cắt Amidan bằng máy [Cắt Amidan bằng coblator, theo yêu cầu]	8.000.000/ Ca	Giá dịch vụ đã bao gồm chi phí dao coblator
47	Nội soi hạ họng ống mềm chẩn đoán gây tê [theo yêu cầu]	325.000/ Ca	
48	Nội soi hạ họng ống mềm lấy dị vật gây tê [theo yêu cầu]	500.000/ Ca	
49	Đo âm ốc tai (OAE) sàng lọc [theo yêu cầu]	120.000/ Ca	
50	Đo nhĩ lượng [theo yêu cầu]	120.000/ Ca	
51	Đo thị lực [theo yêu cầu]	30.000/ Lần	
52	Đo khúc xạ máy [theo yêu cầu]	35.000/ Lần	
53	Điều trị u lợi bằng laser [theo yêu cầu]	6.000.000/ Ca	
54	Trích rạch màng nhĩ [theo yêu cầu]	500.000/ Ca	
55	Hút rửa mũi, hầu họng (theo yêu cầu)	50.000/ Lần	
56	Phẫu thuật điều trị quặm bẩm sinh [theo yêu cầu]	6.900.000/ Ca	
57	Vá nhĩ đơn thuần [theo yêu cầu]	6.400.000/ Ca	
58	Phẫu thuật cắt u lưỡi (phần lưỡi di động) [theo yêu cầu]	6.300.000/ Ca	
59	Phẫu thuật cắt u lành tính vùng họng bằng laser	6.300.000/ Ca	

Scanned with CamScanner

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Mức giá thu (đồng)	Ghi chú
	[theo yêu cầu]		
60	Phẫu thuật cắt u vùng họng miệng [theo yêu cầu]	6.300.000/ Ca	
61	Phẫu thuật cắt và tạo hình u môi [theo yêu cầu]	8.500.000/ Ca	
62	Phẫu thuật cắt rò nang khe mang vùng hàm mặt [theo yêu cầu]	7.600.000/ Ca	
63	Cắt u da lành tính vùng hàm mặt [theo yêu cầu]	7.700.000/ Ca	
64	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài [theo yêu cầu]	500.000/ Ca	
65	Chọc dò màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm [theo yêu cầu]	300.000/ Ca	
66	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm [theo yêu cầu]	300.000/ Ca	
67	Bơm surfactant trong điều trị suy hô hấp sơ sinh [theo yêu cầu]	500.000/ Lần	
68	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh [theo yêu cầu]	250.000/ Đợt điều trị	
69	Chăm sóc rốn sơ sinh [theo yêu cầu]	200.000/ Đợt điều trị	
70	Chăm sóc trẻ sơ sinh bằng phương pháp Kangaru [theo yêu cầu]	250.000/ Lần	
71	Xét nghiệm khí máu, lactat, điện giải đồ [theo yêu cầu]	350.000/ Lần	
72	Theo dõi ACT tại chỗ [theo yêu cầu]	200.000/ Lần	
73	Test hơi thở tìm vi khuẩn HP bằng C13, C14 [theo yêu cầu]	1.100.000/ Ca	
74	Helicobacter pylori Ag test nhanh [bệnh phẩm phân, theo yêu cầu]	200.000/ Ca	
75	Holter điện tâm đồ [theo yêu cầu]	550.000/ Lần	
76	Điện não đồ video [theo yêu cầu (liên tục trong 02 giờ)]	500.000/ Ca	
77	Điện não đồ video [theo yêu cầu (liên tục trong 08 giờ)]	1.500.000/ Ca	
78	Điện não đồ video [theo yêu cầu (liên tục trong 24 giờ)]	2.500.000/ Ca	
79	Vật lý trị liệu hô hấp tại khoa PHCN [theo yêu cầu]	140.000/ Lần	
80	Vật lý trị liệu hô hấp tại giường bệnh [theo yêu cầu]	140.000/ Lần	
81	Khám-đánh giá người bệnh PHCN xây dựng mục tiêu và phương pháp PHCN [theo yêu cầu]	200.000/ Ca	
82	Tập mẫu và cung cấp tài liệu hướng dẫn phục hồi chức năng [theo yêu cầu]	160.000/ Lần	

Scanned with CamScanner

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Mức giá thu (đồng)	Ghi chú
83	Thang đánh giá mức độ tự kỷ (CARS) [theo yêu cầu]	140.000/ Ca	
84	Thang sàng lọc tự kỷ cho trẻ nhỏ 18-36 tháng (CHAT) [theo yêu cầu]	100.000/ Ca	
85	Test Denver đánh giá phát triển tâm thần vận động [theo yêu cầu]	150.000/ Ca	
86	Test tăng động giảm chú ý Vandebilt [theo yêu cầu]	140.000/ Ca	
87	Trắc nghiệm tâm lý Raven [theo yêu cầu]	140.000/ Ca	
88	Kỹ thuật kích thích giao tiếp sớm cho trẻ nhỏ [theo yêu cầu]	140.000/ Lần	
89	Kỹ năng vận động môi miệng chuẩn bị cho nói [theo yêu cầu]	140.000/ Lần	
90	Tư vấn tâm lí cho người bệnh và gia đình [theo yêu cầu]	300.000/ Lần	
91	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên [theo yêu cầu]	100.000/ Lần	
92	Nẹp chỉnh hình trên gối có khớp [vật liệu thông minh, theo yêu cầu]	450.000/ Ca	
93	Nẹp cổ-bàn tay [vật liệu thông minh, theo yêu cầu]	390.000/ Ca	
94	Vật lý trị liệu chỉnh hình [Làm nẹp chức năng chi dưới bằng nhựa thông minh (Thermoplastic), theo yêu cầu]	390.000/ Ca	
95	Định lượng Kẽm [theo yêu cầu]	60.000/ Ca	
96	Xét nghiệm hình dáng-kích thước hồng cầu niệu [theo yêu cầu]	50.000/ Ca	
97	Định lượng IgE (Immunoglobuline E) [53 dị nguyên bằng kỹ thuật sắc ký trên giấy, theo yêu cầu]	1.750.000/ Ca	
98	Định lượng IgE (Immunoglobuline E) [20 dị nguyên hô hấp, theo yêu cầu]	1.000.000/ Ca	
99	Định lượng IgE (Immunoglobuline E) [20 dị nguyên thức ăn, theo yêu cầu]	1.000.000/ Ca	
100	Vi sinh vật nhiễm khuẩn hô hấp Real - time PCR đa mồi [11 tác nhân, theo yêu cầu]	1.450.000/ Ca	
101	Vi sinh vật nhiễm khuẩn não - màng não Real - time PCR đa mồi [3 tác nhân, theo yêu cầu]	1.350.000/ Ca	
102	Virus Real-time PCR [2 tác nhân: Sởi + Rubela; theo yêu cầu]	950.000/ Ca	
103	Streptococcus pyogenes ASO [định lượng, theo yêu cầu]	100.000/ Ca	

Scanned with CamScanner

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Mức giá thu (đồng)	Ghi chú
104	Virus test nhanh [Influenza A+B+RSV, theo yêu cầu]	350.000/ Ca	
105	Virus test nhanh [2 tác nhân gồm: Rotavirus + Adenovirus; theo yêu cầu]	250.000/ Ca	
106	Virus test nhanh [2 tác nhân gồm: Rotavirus + Norovirus; theo yêu cầu]	370.000/ Ca	
107	Ký sinh trùng test nhanh [Entamoeba Histolytica, theo yêu cầu]	180.000/ Ca	
108	Virus test nhanh [đa tác nhân định tính kháng nguyên influenza A, influenza B, SARS-CoV-2, Adenovirus, RSV; theo yêu cầu]	250.000/ Ca	
109	Chọc hút kim nhỏ tuyến giáp [dưới hướng dẫn của siêu âm; theo yêu cầu]	540.000/ Ca	
110	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da [dưới hướng dẫn của siêu âm; theo yêu cầu]	540.000/ Ca	
111	Chọc hút kim nhỏ các hạch [dưới hướng dẫn của siêu âm; theo yêu cầu]	540.000/ Ca	
112	Chọc hút kim nhỏ mô mềm [dưới hướng dẫn của siêu âm; theo yêu cầu]	540.000/ Ca	
113	Siêu âm sàng lọc sau sinh [Siêu âm qua thóp, Siêu âm ổ bụng, Siêu âm tim,….]	500.000/ Ca	
114	Tiêm bắp thịt [theo yêu cầu]	50.000/ Ca	- Giá chưa bao gồm chi phí thuốc tiêm - Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú
115	Tiêm tĩnh mạch [theo yêu cầu]	100.000/ Ca	- Giá chưa bao gồm chi phí thuốc tiêm - Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú
116	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng có thể kết hợp sinh thiết [theo yêu cầu]	1.100.000/ Ca	
117	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng [theo yêu cầu]	850.000/ Ca	
118	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm không sinh thiết [theo yêu cầu]	1.000.000/ Ca	
119	Soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm [theo yêu cầu]	1.000.000/ Ca	

Scanned with CamScanner

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Mức giá thu (đồng)	Ghi chú
120	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [theo yêu cầu, đọc tuổi xương]	100.000/ Ca	
121	Gói dịch vụ: Khám sức khoẻ tổng quát cơ bản [theo yêu cầu]	1.000.000/ Gói	
122	Gói dịch vụ: Khám sức khoẻ tổng quát chuyên sâu [theo yêu cầu]	1.999.000/ Gói	
123	Gói dịch vụ: Khám sức khoẻ định kỳ cho trẻ từ 0 - 24 tháng tuổi [theo yêu cầu]	3.250.000/ Năm	
124	Gói dịch vụ: Khám sức khoẻ định kỳ cho trẻ từ 2 tuổi đến 6 tuổi [theo yêu cầu]	3.600.000/ Năm	
125	Gói dịch vụ: Khám sức khoẻ định kỳ cho trẻ từ 7 tuổi đến 15 tuổi [theo yêu cầu]	3.333.000/ Năm	

- Đối với dịch vụ giường điều trị theo yêu cầu:

+ Mức giá phòng bệnh không có công trình phụ khép kín bằng mức giá của phòng 05 bệnh nhân.

+ Cách tính ngày sử dụng dịch vụ giường điều trị theo yêu cầu áp dụng cách tính ngày giường theo quy định tại Điều 4c Thông tư số 39/2024/TT-BYT ngày 17/11/2024 của Bộ Y tế.

- Đối với trường hợp thực hiện nhiều can thiệp trong cùng một lần phẫu thuật theo yêu cầu: Thanh toán theo giá của phẫu thuật phức tạp nhất, có mức giá cao nhất, các dịch vụ kỹ thuật khác phát sinh ngoài quy trình kỹ thuật của phẫu thuật nêu trên được thanh toán bằng 50% giá của các phẫu thuật phát sinh.

- Đối với người bệnh tham gia BHYT sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu: Quỹ BHYT thanh toán theo phạm vi được hưởng và mức hưởng (nếu có) của người tham gia BHYT. Phần chênh lệch giữa chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu và mức thanh toán của quỹ BHYT do người bệnh thanh toán.

Điều 2. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại Điều 1 thực hiện từ ký ban hành quyết định này.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp.

Người bệnh sử dụng dịch vụ đang điều trị tại bệnh viện trước thời điểm thực hiện mức giá theo quy định tại Quyết định này và ra viện sau thời điểm thực hiện mức giá quy định tại Quyết định này được tiếp tục áp dụng mức giá đã được

Scanned with CamScanner

phê duyệt tại các quyết định trước đây của Bệnh viện Nhi Thái Bình về việc phê duyệt giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu cho đến khi ra viện.

Điều 4. Trưởng các khoa, phòng trong Bệnh viện, các tập thể và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Sở Y tế (Để kê khai giá);
- GĐ, các PGĐ Bệnh viện;
- Như Điều 3;
- Niêm yết trên website BV và các khoa;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN NHI THÁI BÌNH

Lương Đức Sơn

Scanned with CamScanner